

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Sơn Hà đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 27/01/2011 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 193/SKHĐT ngày 14/4/2011 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hà giai đoạn 2011-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hà đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hà phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Ngãi, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội của huyện với tốc độ nhanh và bền vững. Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực mà huyện có tiềm năng, lợi thế như phát triển mạnh các mô hình kinh tế nông, lâm nghiệp sản xuất hàng hoá; từng bước phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và các ngành nghề truyền thống. Đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu đến năm 2020, hình thành cơ cấu kinh tế của huyện là công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ.

3. Phát triển kinh tế xã hội nhanh nhằm thu hẹp dần khoảng cách so với các huyện đồng bằng trong tỉnh, giảm dần sự chênh lệch giữa các địa bàn trong huyện. Gắn phát triển kinh tế với việc luôn quan tâm giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, xoá đói giảm nghèo, an ninh lương thực, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân.

4. Chăm lo phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội; xem đây là nhân tố có tính quyết định đối với sự phát triển của huyện Sơn Hà.

5. Coi trọng và khuyến khích ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp, nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, tăng lượng sản phẩm hàng hóa và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

6. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện, phát triển đô thị và hình thành các điểm dân cư tập trung để dần hình thành và phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và từng bước đô thị hóa. Mở rộng giao lưu kinh tế với các huyện miền núi và các địa phương trong và ngoài tỉnh. Phấn đấu xây dựng thị trấn Di Lăng trở thành đô thị loại IV vào năm 2020 và giữ vai trò là trung tâm giao lưu kinh tế, văn hóa của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

7. Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường bền vững, chăm lo bảo vệ, tái sinh, phát triển rừng, bảo vệ các nguồn tài nguyên, đất đai, nguồn nước; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng huyện Sơn Hà trở thành huyện có nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, xã hội ổn định, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, an ninh quốc phòng được giữ vững, môi trường được bảo vệ, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và là huyện đóng vai trò trung tâm giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa của các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 tối thiểu là 14-15%/năm; giai đoạn 2016-2020 tối thiểu là 15-16%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần công nghiệp, dịch vụ. Đến năm 2015 đạt cơ cấu: Nông – lâm – thủy sản 44%; Công nghiệp – xây dựng 40%; dịch vụ 16%; đến năm 2020 đạt cơ cấu: Công nghiệp – xây dựng 44%, nông – lâm – thủy sản 39%, dịch vụ 17%.

- Thu nhập bình quân đầu người (tính theo giá thực tế) đến năm 2015 đạt trên 23 triệu đồng/năm; đến năm 2020 đạt trên 46 triệu đồng/năm (tăng gấp 2 lần năm 2015).

- Thu ngân sách trên địa bàn vào năm 2015 đạt 9,5 tỷ đồng; vào năm 2020 đạt 50 tỷ đồng .

b) Về văn hoá - xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2011-2015 là 1,1%; giai đoạn 2016-2020 là 1,05%.

- Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập và nâng cao mức sống dân cư. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) vào năm 2015 còn dưới 18%, vào năm 2020 còn dưới 10% .

- Đến năm 2020, toàn huyện có 58 trường (trong đó, Mầm non 15 trường, Tiểu học 20 trường, Trung học cơ sở 18 trường, Phổ thông trung học 3 trường, Phổ thông Dân tộc nội trú 01 trường, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên và 01 trường dạy nghề), có 1/3 số trường có nhà đa năng; tổng số học sinh 18.830 em. Mở rộng loại hình trường, lớp nội trú dân nuôi tại 14/14 xã.

Đến năm 2015 có 30% số trường đạt chuẩn quốc gia, 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ và có 30% đạt trên chuẩn về trình độ; năm 2020 có 50% số trường đạt chuẩn quốc gia, 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ và có 50% đạt trên chuẩn về trình độ. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi ra lớp đạt từ 98% trở lên. Tiếp tục duy trì số xã đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập Trung học cơ sở năm 2007 là 14/14 xã; sau 2010, đảm bảo tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở mỗi năm trên 90%.

- Phần đầu tăng số giường bệnh trên 1 vạn dân, đến năm 2015 có trên 33 giường / 01 vạn dân; năm 2020 có 38 giường / 01 vạn dân; đến năm 2015 có 01 bác sĩ / trạm y tế, năm 2020 có 02 bác sĩ / trạm y tế; số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đến năm 2015 là 7/14 xã, năm 2020 là 14/14 xã. Giảm nhanh tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, đến năm 2015 còn 32%, năm 2020 còn 25%.

- Số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đến năm 2015 là 95%, đến năm 2020 là 98%. Số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2015 ở thành thị là 100%, ở nông thôn là 85%, đến năm 2020 ở thành thị là 100%, ở nông thôn là 95%.

- Đến năm 2015, toàn huyện có 70% hộ gia đình văn hoá, 60% thôn văn hoá; đến năm 2020, có 75% hộ gia đình văn hoá, 70% thôn văn hoá, có 14/14 xã và 100% số thôn có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Số hộ được xem truyền hình vào năm 2015 đạt 95%, vào năm 2020 đạt 100% .

- Đến năm 2015, có 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê-tông hóa, thông suốt 4 mùa. Đường đến các thôn, bản được đầu tư xây dựng và từng bước kiên cố hóa. Các công trình hạ tầng khác cũng được xây dựng đồng bộ để đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe, ngày càng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân.

c) Phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh:

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phối hợp tốt giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Đảm bảo huyện là một khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu góp

phần giữ vững quốc phòng - an ninh cho cả vùng miền núi Quảng Ngãi nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung.

d) Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên kết hợp với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững:

- Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên nước, khoáng sản, có quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hợp lý, môi trường sinh thái bền vững. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và các khu dân cư,... gắn với các biện pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ che phủ rừng trên toàn huyện vào năm 2015 đạt 50%, vào năm 2020 đạt 55% .

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp

- Khai thác những nguồn lực có tính lợi thế. Đối với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện có trên địa bàn cần đầu tư đồng bộ, mở rộng công suất, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả. Đầu tư mới có trọng điểm, ưu tiên phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao, các ngành có thị trường lớn, thu hút nhiều lao động.

- Áp dụng đồng bộ các chính sách để khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp; trước hết là các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, các cơ sở chế biến nông, lâm sản và hàng tiêu dùng quy mô nhỏ. Phát triển một số ngành nghề ở khu vực nông thôn như xay xát, chế biến lương thực, thực phẩm, sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi phát triển nhanh sản xuất công nghiệp theo hướng kết hợp nhiều loại quy mô, nhiều trình độ công nghệ thích hợp với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế.

- Về công nghiệp cơ khí: củng cố và nâng cấp các cơ sở rèn, sửa chữa cơ khí hiện có trên địa bàn. Phát triển các cơ sở sản xuất các mặt hàng cơ khí thủ công tại trung tâm xã và trung tâm cụm xã đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, đời sống hàng ngày của người dân trong vùng.

- Về công nghiệp chế biến nông, lâm sản: Tổ chức các cơ sở giết mổ tập trung, cung cấp thực phẩm cho thị trường tiêu thụ trong và ngoài huyện. Phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến các sản phẩm từ gạo, ngô, củ như: miến, bánh đa, bột, bánh kẹo các loại,...;

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng ở Hải Giá và một số xã có nguồn nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm như gạch gốm, đá, cát xây dựng các loại,...

- Tiểu thủ công nghiệp: Phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp dựa trên nguồn nguyên liệu sẵn có, góp phần giải quyết việc làm; khôi phục và phát triển các nghề truyền thống như mây đan, chổi đốt, dệt thổ cẩm...

- Quy hoạch và kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng và khai thác tiềm năng thủy điện như: Đak Rinh 2, Sơn Trà 1, Sơn Trà 2, Nước Lác, Tam Rao - Tam Linh,...

- Cụm công nghiệp: Xây dựng hoàn thành hạ tầng các cụm công nghiệp Sơn Hải, Sơn Thượng nhằm thu hút đầu tư và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển sản xuất.

Phần đầu đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 835 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt 2.106 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2011-2015 là 19%, giai đoạn 2016-2020 là 19,5%.

2. Thương mại dịch vụ

Phát triển ngành dịch vụ của huyện Sơn Hà trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Nâng cao vai trò của dịch vụ đối với nền kinh tế huyện, đóng góp được nhiều cho ngân sách và có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực kinh tế khác phát triển.

- *Về thương mại*: Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại với quy mô hợp lý và có tính đến nhu cầu của các huyện miền núi lân cận. Đẩy mạnh giao lưu hàng hóa giữa các vùng, mở rộng hệ thống thương mại bán lẻ ở khu trung tâm huyện lỵ, trung tâm cụm xã và trung tâm các xã; xây dựng mô hình hợp tác xã dịch vụ tổng hợp cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo địa bàn cụm xã.

Xây dựng mới và nâng cấp để phát triển nhanh mạng lưới chợ, đến năm 2015 có 06 chợ; trong đó có 01 chợ loại II tại thị trấn Di Lăng, 05 chợ loại III tại Sơn Hạ, Sơn Thượng, Sơn Thành, Sơn Kỳ, Sơn Giang.

- *Về du lịch*: Phát triển du lịch sinh thái núi rừng, đồng thời bảo vệ và tôn tạo cảnh quan, môi trường và giá trị văn hoá để đảm bảo phát triển bền vững. Phát triển các điểm du lịch sinh thái như: Đầu mối lòng hồ Thạch Nham, cầu Hải Giá, hồ thủy lợi Di Lăng, hồ Nước Trong,...

Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến nhằm quảng bá hình ảnh và tiềm năng du lịch của huyện. In ấn phát hành các ấn phẩm về du lịch huyện.

Hình thành mối liên kết giữa du lịch văn hóa sinh thái với tham quan các di tích lịch sử văn hóa, các làng văn hóa, các làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện. Phối hợp với các huyện lân cận và với các công ty lữ hành du lịch để tổ chức các tua, tuyến du lịch biển kết hợp với du lịch sinh thái núi rừng và di tích lịch sử văn hoá.

- *Dịch vụ vận tải*: Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách.

Xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành vận tải, gồm: Củng cố bến xe Di Lăng, hoàn thiện bến xe trung tâm cụm xã Sơn Kỳ, xây dựng mới bến xe trung tâm cụm xã Sơn Linh, tổ chức 5 điểm đón chờ khách ở các xã Sơn Thủy, Sơn Hải, Sơn Thành, Sơn Hạ và Sơn Thượng; xây dựng 21 bến đò ở các xã Sơn Ba, Sơn Kỳ, Sơn Hải, Sơn Trung, Sơn Cao, Sơn Giang, Sơn Linh và Sơn Nham.

- *Dịch vụ bưu chính - viễn thông*: Tiếp tục phát triển hệ thống bưu điện và các dịch vụ bưu điện, điện thoại tới các xã, đến năm 2020 đưa số máy bình quân lên 20 máy/100 dân, 100% số xã có điểm bưu điện văn hoá.

- *Dịch vụ tín dụng ngân hàng*: Mở rộng và phát triển mạng lưới và đổi mới phương thức hoạt động tín dụng trên địa bàn huyện, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và xoá đói giảm nghèo. Tạo cơ hội cho người nghèo, các đối tượng chính sách tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm.

- Phát triển các loại hình dịch vụ khác phát sinh nhu cầu như dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo, khuyến nông, khuyến lâm,... ; tăng dần các dịch vụ chất lượng cao; tăng khả năng cung ứng dịch vụ của thành phần kinh tế tư nhân.

Phân đấu tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ vào năm 2020 đạt khoảng 810 tỷ đồng; tốc độ tăng ngành dịch vụ của huyện giai đoạn 2011-2015 là 18,5%, giai đoạn 2016-2020 là 19%.

3. Nông, lâm, thủy sản

- Phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống cây trồng vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng miền núi.

- Chuyển đổi sản xuất theo hướng sản phẩm hàng hoá, gắn với thị trường. Tập trung sản xuất những cây trồng, vật nuôi có thị trường tiêu thụ ổn định, đem lại nhiều giá trị gia tăng; cung cấp nguyên liệu cho nhu cầu công nghiệp chế biến, nhất là chế biến hàng hoá xuất khẩu.

- *Về trồng trọt*: Nâng cao năng suất, sản lượng lúa nước, phát triển các loại cây lương thực khác như ngô, khoai lang... ; đưa sản lượng thóc vào năm 2020 là trên 34.500 tấn, sản lượng ngô là 867 tấn.

Mở rộng diện tích gieo trồng các loại rau đậu thực phẩm, hình thành các vùng cây thực phẩm tập trung chuyên canh, sản xuất những loại cây thực phẩm sạch, có giá trị kinh tế cao. Đầu tư thâm canh cây lạc, cây mía, ổn định diện tích cây mì nhằm cung ứng đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Cải tạo vườn tạp, lựa chọn các cây có giá trị kinh tế cao, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng để nâng cao hiệu quả kinh tế vườn, rừng.

- *Về chăn nuôi*: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, chủ yếu phát triển chăn nuôi đại gia súc; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung theo mô

hình trang trại; chuyển từ phương thức chăn thả rộng sang nuôi nhốt tại chuồng, xây dựng chuồng trại kiên cố và áp dụng các quy trình kỹ thuật mới trong chăn nuôi.

Tăng nhanh số lượng và chất lượng đàn bò; hoàn thành việc Sind hoá, cải tạo giống bò; phát triển nhanh đàn heo theo hướng nạc; phát triển chăn nuôi gia cầm theo hộ gia đình và mô hình trang trại nhỏ; phát triển mạnh đàn dê theo mô hình chăn nuôi dê hộ gia đình ở các vùng chân núi và đồi gò.

Phấn đấu đến năm 2020 ngành chăn nuôi đạt tỷ trọng 39-40% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- *Về lâm nghiệp*: Kết hợp giữa trồng rừng, bảo vệ rừng và trồng các loại cây lấy gỗ. Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại theo mô hình nông - lâm kết hợp. Đến năm 2015, hoàn thành việc giao khoán rừng cho các tổ chức, cá nhân theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Mỗi năm trồng mới 1.000-1.500 ha rừng sản xuất, 800-1.000 ha rừng phòng hộ. Phấn đấu đến năm 2020, nâng giá trị tỷ trọng ngành lâm nghiệp đạt 15% trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp.

- *Về thủy sản*: Tận dụng diện tích mặt nước (ao, hồ, sông suối) để đưa vào nuôi trồng các loài thủy sản có giá trị kinh tế, giải quyết nhu cầu thực phẩm thủy sản cho dân cư trên địa bàn. Thực hiện công tác khuyến ngư, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng mô hình, hỗ trợ ban đầu về giống để tạo điều kiện, khuyến khích phát triển nuôi thủy sản trên địa bàn huyện.

Phấn đấu đến năm 2015, giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản đạt 911 tỷ đồng (giá hiện hành); đến năm 2020 đạt 1.861 tỷ đồng. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 là 9,5%, giai đoạn 2016-2020 là 9%. Lao động nông, lâm, thủy sản giảm mạnh qua các năm; năm 2015 còn 83-84% tổng lao động xã hội, năm 2020 chỉ còn 77-78% tổng lao động xã hội.

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục đào tạo

- Tăng đầu tư cho ngành giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, nâng cao trình độ giáo viên. Nâng cấp Trung tâm Giáo dục thường xuyên của huyện thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên – hướng nghiệp – dạy nghề đủ năng lực đào tạo và liên kết với các huyện lân cận; đào tạo lao động có trình độ trung cấp nghề tại chỗ nhằm tạo điều kiện cho lao động địa phương có việc làm và thu nhập ổn định.

- Hình thành mạng lưới giáo dục, đào tạo hợp lý, quan tâm đến giáo dục ở vùng nông thôn, vùng sâu, các xã đặc biệt khó khăn. Từng bước nâng cấp, kiên cố hóa các điểm trường chính, xây dựng đủ phòng học ở các điểm trường lẻ. Tất cả các trường học trong toàn huyện đều có nhà hiệu bộ, phòng bộ môn, phòng thư viện và các phòng chức năng phục vụ dạy tin học, ngoại ngữ cho các trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục xã hội hoá giáo dục và đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng

nhu cầu học tập, nâng cao trình độ, dân trí, phát triển nguồn nhân lực cho nhân dân địa phương. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh con hộ nghèo đi học bán trú, hỗ trợ về giấy vở cho học sinh, xây dựng tủ sách giáo khoa dùng chung đủ về số lượng, phục vụ cho việc học tập của học sinh.

- Liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong việc đào tạo lao động kỹ thuật, có tay nghề và đào tạo để xuất khẩu lao động, đảm bảo lao động được đào tạo kỹ năng phù hợp, được làm công việc đúng với chuyên môn được đào tạo.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe toàn dân, đặc biệt quan tâm đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình, mỗi gia đình chỉ có 1 đến 2 con để có điều kiện nuôi con khỏe dạy con ngoan và tiến tới ổn định quy mô dân số.

- Chú trọng và tích cực thực hiện tốt công tác y tế dự phòng. Giáo dục và cung cấp thông tin cho mọi người dân hiểu biết các kiến thức khoa học, vệ sinh, phòng bệnh, phòng dịch. Thực hiện tốt tiêm chủng mở rộng để phòng chống và tiến tới thanh toán các bệnh truyền nhiễm như bại liệt, sởi, uốn ván...

- Cung cấp đủ nước sạch, tùy theo điều kiện từng vùng áp dụng các hình thức nước máy, giếng khơi, giếng khoan. Bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, vận động nhân dân thực hiện phong trào giữ môi trường trong sạch, đặc biệt là các khu vực đông dân cư. Giải quyết có hiệu quả các nguồn gốc gây bệnh.

- Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực phục vụ, khám chữa bệnh của các cơ sở y tế trong huyện; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế cơ sở; đồng thời thực hiện các chính sách khuyến khích y, bác sỹ đến công tác lâu dài tại các xã đặc biệt khó khăn; tăng số bác sỹ về công tác tại các trạm y tế xã. Thực hiện công tác xã hội hóa về y tế nhằm giảm bớt sự quá tải đối với các cơ sở y tế công lập.

c) Văn hóa thông tin và thể dục thể thao

- Giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống, kết hợp hài hoà giữa bản sắc văn hoá của các dân tộc trên địa bàn huyện với những giá trị văn hoá mới, tiên tiến. Bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động “xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” và “gia đình văn hoá”, “khu phố văn minh”. Chăm lo xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc. Loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong đời sống sinh hoạt của người dân.

- Có kế hoạch tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa; hỗ trợ xây dựng các nhà văn hóa xã, thôn; xây dựng sân vận động huyện, xã, Đài truyền thanh huyện, Trạm truyền thanh xã, thị trấn.

- Không ngừng nâng cao các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, truyền thanh, truyền hình; thành lập và tổ chức hoạt động có hiệu quả Đội thông tin lưu động huyện.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và du

lịch. Phát động phong trào thể dục thể thao quần chúng, chú trọng công tác giáo dục thể chất trong các trường học, cơ quan xí nghiệp, lực lượng vũ trang.

d) Khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông, lâm, thủy sản và các sản phẩm truyền thống nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

- Xây dựng trung tâm công nghệ thông tin của huyện, là nơi đào tạo nâng cao trình độ về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với trình độ chuyên môn; đồng thời là nơi cung cấp nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho các thành phần kinh tế.

đ) Thực hiện chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo

- Phát triển các ngành nghề truyền thống và các dịch vụ tạo ra nhiều việc làm; thông qua các nguồn vốn vay, phát triển kinh tế trang trại sản xuất - chăn nuôi, tạo thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo và nâng mức sống cho người dân.

- Bằng nhiều hình thức, cùng với nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng các quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các gia đình chính sách; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng, hộ nghèo, người bị nhiễm chất độc da cam, người tàn tật neo đơn, người già không nơi nương tựa, trẻ em cơ nhỡ, ...

- Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện. Thực hiện rà soát hộ nghèo hàng năm, có biện pháp hỗ trợ cho người dân xóa nghèo bền vững, chống nguy cơ tái nghèo; trong đó, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện cho các đối tượng hộ nghèo thiếu đất, thiếu vốn sản xuất tiếp cận được với các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, tập huấn để họ phát triển sản xuất, chuyển đổi ngành nghề, có thu nhập ổn định.

e) Bảo vệ môi trường

- Thực hiện đồng bộ, kịp thời các giải pháp, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

- Có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, chống các hành vi hủy hoại đất. Quy hoạch và đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp nhằm di chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư sản xuất tập trung.

- Quy hoạch đô thị, khu dân cư đồng thời với quy hoạch bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải thải đồng bộ; đảm bảo rác thải y tế được thu gom, xử lý đúng quy định.

- Xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng khác đồng bộ với việc giữ gìn vệ sinh công cộng, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Phối hợp với các

ngành thực hiện đề án bảo vệ tổng thể nguồn nước ngọt, môi trường sinh thái, cảnh quan.

g) *Củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở*

- Đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, thôn, tổ dân phố, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác tốt đảm bảo về tiêu chuẩn, cơ cấu, trình độ học vấn và có tính kế thừa giữa các thế hệ, nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính quyền cơ sở để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

- Bảo đảm trụ sở, trang thiết bị làm việc cho cả hệ thống chính trị cấp xã. Đầu tư xây dựng nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng ở thôn, tổ dân phố theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

h) *Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh*

- Phát triển kinh tế kết hợp với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, góp phần làm tăng tiềm lực quốc phòng, đặc biệt là trên các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển bưu chính viễn thông, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi...

- Tăng cường lực lượng an ninh trên địa bàn huyện, nhất là trong khu vực thị trấn. Cảnh giác với âm mưu chia rẽ các dân tộc anh em trên địa bàn huyện. Phối hợp với các huyện lân cận trong việc xây dựng một thể trận quốc phòng an ninh liên hoàn, vững chắc, hình thành sẵn các phương án phòng thủ, chiến đấu tại các vùng địa bàn giáp ranh giữa các huyện.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy. Tăng cường và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng thôn, xã lành mạnh, không có tệ nạn xã hội gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

5. *Phát triển kết cấu hạ tầng*

a) *Phát triển hạ tầng giao thông*

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ và các chương trình dự án, tập trung đầu tư xây mới, nâng cấp các tuyến đường đến các vùng sâu, vùng xa và các tuyến đường liên xã, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Đẩy mạnh phát triển giao thông nông thôn, đường đến các thôn, bản từng bước kiên cố hóa nhằm phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá của nhân dân.

- Đường huyện quản lý, gồm 7 tuyến với tổng chiều dài khoảng 115 km. Xây dựng 80% đường đá dăm láng nhựa hoặc bê-tông nhựa đạt cấp V, VI miền núi, một số tuyến đạt cấp IV.

- Đường xã quản lý, gồm 54 tuyến với tổng chiều dài khoảng 204 km. Xây dựng 60% đường đá dăm láng nhựa và bê-tông xi-măng đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A.

- Dẫn thay thế các cầu tạm và ngầm bằng các cầu bê-tông kiên cố, có khả năng chịu lũ để đảm bảo giao thông trong mùa mưa. Xây dựng một số bến đò phục vụ vận tải người và hàng hoá bằng đường sông.

b) Phát triển hạ tầng điện

- Mở rộng mạng lưới cấp điện nông thôn. Chú trọng phát triển mạng lưới điện cho các cụm công nghiệp, làng nghề Sơn Thượng và Sơn Hải, các khu đô thị mới, điện chiếu sáng đô thị.

- Cải tạo thay thế thiết bị điện cũ để giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng cấp điện; đặc biệt là ở khu vực có chiều dài truyền tải lớn và phụ tải nặng. Lưới điện bố trí cần tính đến dự phòng phát triển phụ tải, nâng cấp điện áp và có khả năng hỗ trợ khi có sự cố.

c) Phát triển hạ tầng cấp nước

- Xây thêm một nhà máy cung cấp nước sinh hoạt tại thị trấn Di Lăng và nhiều hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các điểm dân cư nông thôn.

- Cải tạo mạng lưới đường ống phân phối nước cũ, mở rộng hệ thống đường ống mới đảm bảo cung cấp nước đến các khu dân cư tập trung, các cụm công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của dân cư.

d) Phát triển hạ tầng thủy lợi

- Đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng để sớm hoàn thành các công trình thủy lợi có công suất lớn trên địa bàn; đầu tư xây dựng và sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Tu bổ, nâng cấp hệ thống các trạm bơm nước, đảm bảo cung cấp nước tưới tiêu đến các vùng đất cao.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để kiên cố hoá hệ thống kênh mương thủy lợi. Phần đầu trước 2020, toàn bộ hệ thống kênh mương được bê-tông hoá.

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ

1. Quản lý, sử dụng đất đai

- Quản lý, khai thác sử dụng hợp lý quỹ đất; tiếp tục đưa quỹ đất chưa sử dụng vào hoạt động kinh tế. Đến năm 2015, giảm diện tích đất chưa sử dụng còn 1.500 ha (chiếm 2% diện tích tự nhiên); đến năm 2020 còn 900 ha (chủ yếu bao gồm đất núi đá không thể sử dụng hoặc không có hiệu quả kinh tế). Đến năm 2015, đảm bảo diện tích đất nông nghiệp của huyện trên 66.000 ha, chiếm 87,8% diện tích tự nhiên; đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp còn khoảng 65.000 ha; đồng thời duy trì diện tích ao hồ, sông suối hiện có để tạo cảnh quan và phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Một số diện tích đất sản xuất được sử dụng vào đất chuyên dùng như xây dựng hạ tầng, nhà ở, phát triển đô thị, công nghiệp, sản xuất kinh doanh. Đến năm 2015 đất ở khoảng 1.000 ha, đất chuyên dùng khoảng 4.492,5 ha (chiếm 6% diện tích tự nhiên); năm 2020 đất ở khoảng 1.250 ha, đất chuyên dùng khoảng 5.182,5 ha

(chiếm 7,7% diện tích tự nhiên).

2. Phát triển đô thị

- Hướng phát triển đô thị của huyện Sơn Hà là hình thành các tụ điểm kinh tế sau: Di Lăng, Sơn Hạ, Sơn Hải và Sơn Thượng, trong đó lấy thị trấn Di Lăng là trung tâm và phát triển hệ thống đô thị theo các tuyến giao thông chính; trước hết là trên các trục Tỉnh lộ như 623, 626.

- Tập trung xây dựng và phát triển trung tâm kinh tế, xã hội của huyện. Thị trấn Di Lăng được xây dựng thành trung tâm kinh tế văn hóa miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, đến năm 2020 đạt đô thị loại IV (thị xã) với dân số 9.500 người, quy mô đất xây dựng khoảng 1.250 ha, có kinh tế, văn hóa xã hội phát triển.

- Tại thị trấn Di Lăng sẽ hình thành các khu thương mại, dịch vụ, các công trình văn hóa,... Trước mắt, xúc tiến nâng cấp chợ Di Lăng có quy mô là một chợ đầu mối lớn của huyện Sơn Hà cũng như các huyện miền núi lân cận. Phát triển các công trình công cộng như công viên, khu vui chơi giải trí,... Thực hiện quy hoạch thị trấn Di Lăng theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND tỉnh đến năm 2011.

- Phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị tại Sơn Hạ, là tụ điểm kinh tế phía đông của huyện. Các xã Sơn Hải, Sơn Thượng chủ yếu hình thành các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tạo thành các vệ tinh của thị trấn Di Lăng. Cụm công nghiệp Sơn Hải có diện tích 2 ha và cụm công nghiệp Sơn Thượng có diện tích 13 ha.

3. Phát triển các ngành kinh tế theo lãnh thổ

- Vùng phát triển công nghiệp: Phát triển các ngành sản xuất, chế biến nông, lâm sản như mía, mì, giấy, gỗ, cây ăn quả,... tại các nơi có lợi thế về đất đai và giao thông như Sơn Hạ, Sơn Giang, Sơn Thượng, Sơn Linh, Sơn Kỳ, Sơn Hải.

- Vùng phát triển du lịch: Phát triển du lịch sinh thái núi rừng, tham quan di tích lịch sử tại xã Sơn Kỳ và nhiều điểm du lịch sinh thái có tiềm năng khai thác như Thạch Nham, Hải Giá, Hồ Nước Trong.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Chi tiết danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư thời kỳ 2011-2020 theo phụ lục đính kèm.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUI HOẠCH

1. Huy động nguồn vốn đầu tư

Để thực hiện các mục tiêu quy hoạch, tổng nhu cầu vốn đầu tư ước tính giai đoạn 2011-2020 là 6.062 tỷ đồng. Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư nêu trên, cần có hệ thống các giải pháp huy động vốn tích cực, tập trung vào các nguồn chủ yếu sau: Vốn Ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương, các chương trình, mục tiêu), vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân, vốn nước ngoài (ODA, FDI), vốn liên doanh,

liên kết, vốn tín dụng,...

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là giải pháp quan trọng để thực hiện thành công quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sơn Hà đến năm 2020. Kết hợp nhiều biện pháp như giáo dục đào tạo, tiếp cận thông tin, nâng cao thể lực, tạo cơ hội việc làm và điều kiện làm việc,... để phát triển nguồn nhân lực; trong đó giáo dục đào tạo là biện pháp trọng tâm.

- Đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đoàn thể cấp huyện, xã theo quy hoạch. Đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật để cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Có cơ chế chính sách đào tạo và đào tạo lại; gửi học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đi đào tạo để trở về phục vụ cho huyện. Có chính sách ưu đãi để thu hút lao động kỹ thuật về sống và làm việc tại huyện. Sử dụng có hiệu quả và hợp lý lực lượng lao động đã qua đào tạo, khuyến khích tính năng động, sáng tạo của người lao động.

- Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, người lao động để đào tạo đúng đối tượng lao động mà doanh nghiệp có nhu cầu và tạo việc làm cho người lao động.

- Trên cơ sở đề án đào tạo nghề nông thôn giai đoạn 2009-2020, cần ưu tiên bố trí nguồn kinh phí đào tạo các ngành nghề xã hội đang cần; hướng dẫn các mô hình khuyến nông, lâm nghiệp, công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2015 đào tạo 7.500 lao động và năm 2020 đào tạo 6.000 lao động, nâng tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn chiếm tỷ lệ 50% lao động xã hội.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ và môi trường

- Tăng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất giống, chuyển giao khoa học kỹ thuật và các chính sách trợ giá cho nông dân. Xây dựng cơ sở sản xuất giống, cây trồng vật nuôi trên địa bàn huyện để đáp ứng con giống tốt cho nhu cầu sản xuất.

- Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Chú trọng việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra môi trường. Đào tạo và bố trí cán bộ đủ trình độ và am hiểu các vấn đề về môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm. Các dự án đầu tư cần phải có khoản chi phí thực hiện việc xử lý ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với các cấp chính quyền địa

phương; nâng cao chất lượng công tác kế hoạch, xây dựng và thẩm định các chương trình, dự án đầu tư để nâng cao hiệu quả khi thực hiện.

- Ban hành các cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút đầu tư trên địa bàn huyện.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý ngân sách kết hợp với cải cách hành chính, thực hiện phân cấp quản lý cho chính quyền các cấp từ huyện đến xã để nâng cao trách nhiệm, quyền hạn và tính chủ động sáng tạo của mỗi địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước ở địa phương trong các hoạt động kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng trên đại bàn huyện.

5. Giải pháp hợp tác phát triển với các địa phương trong và ngoài tỉnh

Để phát huy tốt hơn lợi thế của huyện cho phát triển kinh tế - xã hội, huyện Sơn Hà cần giao lưu, phối hợp với các địa phương trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các huyện lân cận trên một số lĩnh vực sau:

- Về phát triển du lịch, xây dựng các điểm, tuyến du lịch cũng như trong quảng bá và đào tạo nhân lực về du lịch.

- Phối hợp với các huyện trong vùng thu hút nguồn vốn ODA, FDI,...

- Đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực, quản lý tình trạng di dân trên địa bàn.

- Phát triển các ngành, nghề quan trọng của huyện trong công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUI HOẠCH

1) Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của huyện Sơn Hà đến năm 2020 cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện;

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các chương trình, dự án ưu tiên cho các nhà đầu tư.

2) Xây dựng chương trình hành động

- Sau khi quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch, UBND huyện Sơn Hà xây dựng chương trình hành động để thực hiện Quy hoạch.

- Cụ thể hoá các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. UBND huyện Sơn Hà căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch, phối hợp với các Sở, ngành liên quan của tỉnh chỉ đạo xây dựng, trình duyệt và triển khai thực hiện theo các nội

dung sau:

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ và bền vững.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Các Sở, ngành liên quan của tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn và hỗ trợ UBND huyện Sơn Hà nghiên cứu lập các quy hoạch chi tiết nêu tại Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án theo lĩnh vực ngành có tác động quan trọng đối với sự phát triển của huyện theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên kết nêu trong quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
THỜI KỲ 2011-2020 CỦA HUYỆN SƠN HÀ
(Kèm theo Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án
I	Dự án đầu tư từ nguồn Ngân sách nhà nước
1	Nâng cấp Đài Truyền thanh và phát lại truyền hình
2	Hệ thống kênh tưới Đập Pliên Sơn Kỳ
3	Kè Suối Tà-Man
4	Nâng cấp Đường Sơn Kỳ - Sơn Ba
5	Hạ tầng đô thị theo quy hoạch chi tiết mở rộng thị trấn Di Lăng
6	Bờ kè chống sạt lở Hàng Gòn (Kè sông Rin)
7	Hồ chứa nước Ka La
8	Nâng cấp đường Thạch Nham – Hà Bắc
9	Xây dựng mới 08 trụ sở UBND xã
10	Trường bán trú dân nuôi 14 xã, thị trấn
11	Nâng cấp Đập và kiên cố hóa kênh Xã Trạch
12	Cầu Sông Re 2 (Sơn Hải)
13	Cầu Sông Re 3 (Sơn Ba)
14	Sân vận động Sơn Hà
15	Cầu Sông Rin 2 (Sơn Bao)
16	Nước sinh hoạt Sơn Hạ, Sơn Thành, Sơn Giang
17	Xây dựng khu Trung tâm hành chính huyện
18	Nâng cấp đường Sơn Linh – Ba Ngạc
19	Nhà thi đấu Đa năng huyện
20	Nâng cấp Trường Nội trú dân tộc
21	Cầu Sơn Giang – Sơn Cao
22	Nâng cấp đường Sơn Thượng – Sơn Tinh
23	Cầu Xà Nay – Chàm Rao (Sơn Nham)
24	Nâng cấp đường Tà Lanh – Mò O (Sơn Thượng)
25	Nâng cấp Bệnh viện khu vực Sơn Hà
26	Hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Hải
27	Hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Thượng
II	Dự án kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư
1	Khu du lịch Thạch Nham – Nước Trong

2	Trung tâm Thương mại Sơn Hà
3	Nâng cấp tỉnh lộ Di Lãng – Ba Ngạc
4	Thủy điện Tầm Linh – Tam Rao (Sơn Linh)
5	Thủy điện Sơn Trà 1
6	Thủy điện Sơn Trà 2
7	Thủy điện Đak Rin 2